

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khru Liên Dung
2. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án N dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về trA chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 035B, khóm N, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: A Nguyễn Thiện N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 035B, khóm N, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

(Chị T và anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

- Về hôn N: Chị và anh Nguyễn Thiện N tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2002, có tổ chức đám cưới theo phong tục. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 04/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Quá

trình chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh N thường xuyên nhậu nhẹt có quan hệ tình cảm với nhiều người khác, không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Anh chị thường xuyên cãi vã vì những chuyện đó, chị và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi. Chị T và anh N đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N do mâu thuẫn giữa anh chị đã kéo dài và không thể giải quyết được. Giữa anh chị không có tiếng nói chung và bản thân chị cũng không thể có phương pháp nào khác để giải quyết mâu thuẫn với anh N nữa nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị T và anh N chung sống có hai con chung tên Nguyễn Nhơn Đ, sinh ngày 22/11/2003 và Nguyễn Trâm A, sinh ngày 09/12/2012. Chị T yêu cầu giao cháu Nguyễn Trâm A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và không cấp dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Nhơn Đ do đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Đối với bị đơn A Nguyễn Thiện N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T với anh Nguyễn Thiện N. Cho chị Nguyễn Thị Bích T ly hôn với anh Nguyễn Thiện N. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 09/12/2012 cho anh Nguyễn Thiện N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Hiện nay cháu Trâm A đang sống chung với anh N nên được giữ nguyên. Chị Nguyễn Thị Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng cho cháu Trâm A do anh N không yêu cầu. Đối với con chung tên Nguyễn Nhơn Đ, sinh ngày 22/11/2003 do đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thiện N. anh N có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Thiện N tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2002, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 04/12/2012 tại Ủy ban N dân phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là có xảy ra trên thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[4] Chị T xác định: Quá trình chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh N thường xuyên nhậu nhẹt có quan hệ tình cảm với nhiều người khác, không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Anh chị thường xuyên cãi vã vì những chuyện đó, chị và gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng A N không thay đổi. Chị T và anh N đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc anh N thường xuyên nhậu nhẹt và không có trách nhiệm với gia đình là không phù hợp trong nguyên tắc ứng xử của vợ chồng, là nguyên nhân gây ra cãi vã thường xuyên, tình trạng này nếu kéo dài sẽ gây tổn thương và áp lực về mặt tâm lý cho cả vợ và chồng, ảnh hưởng lớn đến hạnh phúc gia đình, thể hiện rõ ở việc A chị đã sống ly thân từ 02 năm nay, không thể tiếp tục sống chung với nhau, A chị đã sống ly thân một thời gian dài mà vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, không thể về sống chung lại với nhau được. Về phía anh N, Tòa án đã nhiều lần triệu tập làm việc để xác định ý kiến của A đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải, không muốn giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có nguyện vọng đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm lo cho con cái. Mặt khác, trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị T xác định bản thân chị đã không còn tình cảm với anh N, không có yêu cầu đoàn tụ mà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh N.

[6] Từ những phân tích trên cho thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[7] Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Cho chị T được ly hôn với anh N.

[8] Về con chung: Chị T và anh N có hai con chung tên Nguyễn Nhơn Đ, sinh ngày 22/11/2003 và Nguyễn Trâm A, sinh ngày 09/12/2012, hiện nay các con chung đang sống với anh N. Chị T yêu cầu giao cháu Nguyễn Trâm A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và không cấp dưỡng. Xét thấy cháu Trâm A đang sống với anh N, giữa cha con đã có sự gắn bó tình cảm, cháu Trâm A được chăm sóc, giáo dục tốt, phát triển bình thường và ổn định, chị T tự nguyện giao con cho anh N nên có cơ sở giao cháu Trâm A cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[9] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không phải cấp dưỡng cho cháu Trâm A do anh N không yêu cầu.

[10] Đối với cháu Nguyễn Nhơn Đ do đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T với anh Nguyễn Thiện N. Cho chị Nguyễn Thị Bích T ly hôn với anh Nguyễn Thiện N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 09/12/2012 cho anh Nguyễn Thiện N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Hiện nay cháu Trâm A đang sống chung với anh N nên được giữ nguyên. Chị Nguyễn Thị Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng cho cháu Trâm A do anh N không yêu cầu.

Đối với con chung tên Nguyễn Nhơn Đ, sinh ngày 22/11/2003 do đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007728 ngày 11/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

(Đã ký)

Trần Minh Tân